

Bản án số: 14/2020/DSST  
Ngày 30-9-2020.  
V/v: Tranh chấp hợp đồng  
vay tài sản.

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MƯỜNG LA, TỈNH SƠN LA**

***-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên toà:* Ông Hà Minh Quân

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Quàng Văn Màng.
2. Ông Lò Văn Khết.

***-Thư ký phiên toà:*** Ông Đào Ngọc Sơn - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Mường La, tỉnh Sơn La.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mường La tham gia phiên toà:***  
Ông Nguyễn Thế Hùng – Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 9 năm 2020 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Mường La, tỉnh Sơn La xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số: 14/2020/TLST-DS ngày 23 tháng 7 năm 2020, về việc: Tranh chấp hợp đồng vay tài sản, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 15/2020/QĐXXST-DS ngày 14 tháng 9 năm 2020 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ông Nguyễn Văn X và bà Lê Thị H.

Địa chỉ: Tiểu khu B, Thị trấn C, huyện Mường La, tỉnh Sơn La. Đều có mặt.

2. *Bị đơn:* Bà Lò Trung K.

Địa chỉ: Tiểu khu A, thị trấn C, huyện Mường La, tỉnh Sơn La. Có mặt.

*Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Bà Lò Thị Thủy và ông Lò Văn Xuấn.

Địa chỉ: Tiểu khu D, Thị trấn C, huyện Mường La, tỉnh Sơn La. Có đề nghị xét xử vắng mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và phiên hòa giải ông Nguyễn Văn X và bà Lê Thị H trình bày:

Vào ngày 16/6/2016 ông bà với ông Lò Văn X1, bà Lò Thị thực hiện hợp đồng cầm cố tài sản, tài sản cầm cố là một giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số seri B945374, số 494 theo Quyết định số 643 do Ủy ban nhân dân (UBND) tỉnh Sơn La cấp ngày 05/11/1993 (bìa đỏ của vợ chồng ông Lò Văn X1, bà Lò Thị T) để vay số tiền 100.000.000đ, với lãi suất đã thỏa thuận là 3.000.000đồng, hẹn trả vào ngày 25/6/2016 với tổng số tiền cả gốc và lãi là 103.000.000đ. Tuy nhiên, người trực tiếp nhận số tiền 100.000.000đ từ hợp đồng là bà Lò Trung K (em gái ruột bà Lò Thị T) và không lập thêm hợp đồng gì thêm hoặc giấy tờ giao nhận gì thêm. Đến thời hạn trả bà Lò Trung K không thực hiện trả nợ như đã cam kết trong hợp đồng, nên ông bà có cho bà Lò Trung K mượn lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của vợ chồng ông Lò Văn X1, bà Lò Thị T, để bà Lò Trung K đến ngân hàng làm hợp đồng vay tiền về mang trả cho ông bà, tuy nhiên, bà Lò Trung K không thực hiện trả nợ, do đó vào ngày 16/5/2018 ông bà Nguyễn Văn X, bà Lê Thị H với bà Lò Trung K đã thực hiện một giấy vay tiền là 150.000.000đ (một trăm năm mươi triệu đồng), số tiền ghi trong giấy vay nợ phát sinh từ tiền gốc trong hợp đồng cầm cố tài sản là 100.000.000đ và lãi phát sinh.

Đến nay bà Lò Trung K chưa thanh toán cho ông bà X, H nên ông bà X, H yêu cầu bà Lò Trung K và vợ chồng ông Lò Văn X1, bà Lò Thị T cùng nhau có trách nhiệm trả số tiền 150.000.000đ và lãi phát sinh từ ngày 16/6/2016 cho đến nay.

*Tại bản tự khai và phiên hòa giải bà Lò Trung K trình bày:*

Vào ngày 16/6/2016 bà có nhờ chị gái ruột là Lò Thị T, anh rể là Lò Văn X1 đến vay tiền vợ chồng ông Nguyễn Văn X, bà Lê Thị H với số tiền 100.000.000đ, để vay được tiền nên chị gái và anh rể ký kết hợp đồng cầm cố tài sản là giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của anh chị. Sau khi chị gái và anh rể ký kết hợp đồng cầm cố tài sản, bà K được ông Nguyễn Văn X giao cho số tiền vay theo hợp đồng thế chấp là 100.000.000đ, thời hạn trả cả gốc và lãi là 103.000.000đ vào ngày 25/6/2016. Đến hạn trả nợ bà không trả được, và bà đến nhà ông Nguyễn Văn X, bà Lê Thị H hỏi mượn lại bìa đất đã thế chấp hợp đồng cầm cố tài sản là giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của chị Lò Thị T, anh rể là Lò Văn X1 để vay ngân hàng và đến cuối năm 2017 bà đã trả cho ông Nguyễn Văn X, bà Lê Thị H số tiền 90.000.000đ, có ký vào sổ tay của ông bà X, H. Còn lại 10.000.000đ bà chưa thanh toán đến nay. Vào ngày 16/5/2018 ông bà X, H tính toán lãi số tiền tôi đã chậm trả

và lãi suất, tổng cộng là 150.000.000đ, do đó bà viết và ký vào giấy vay tiền 150.000.000đ. Nay ông bà X, H yêu cầu bà trả số tiền 150.000.000đ và lãi phát sinh, bà không nhất trí. Vì số tiền 150.000.000đ phát sinh từ số tiền vay 103.000.000đ. Bà nhất chỉ trí trả số 10.000.000đ và lãi phát sinh.

*Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Lò Thị T, ông Lò Văn X1 trình bày:*

Ông bà xác nhận có thực hiện đã thực hiện hợp đồng cầm cố tài sản để cho bà Lò Trung K vay số tiền 100.000.000đ như trong hợp đồng ghi, sau khi hợp đồng ký kết, ông Nguyễn Văn X, bà Lê Thị H đã giao số tiền cụ thể bao nhiêu cho Lò Trung K, ông bà không rõ. Sau này bà Lò Trung K bảo đã thanh toán đủ số tiền trong hợp đồng cầm cố tài sản và bà đã được bà Lò Trung K giao trả lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Theo hợp đồng ký kết là các bên thanh toán đầu đủ nghĩa vụ là hợp đồng đã thực hiện xong, việc ông bà lấy lại được giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, đồng nghĩa với việc số tiền đã được thanh toán cho ông Nguyễn Văn X, bà Lê Thị H. Hơn nữa tại bản án phúc thẩm số 02/2020/DS-PT ngày 01/01/2020 đã giải quyết về hợp đồng này, tại cấp phúc thẩm Tòa án nhân dân tỉnh Sơn La nhận định hợp đồng này đã thực hiện xong.

Bà Lê Thị H, ông Nguyễn Văn X và bà Lò Trung K đều xác nhận việc người nhận tiền là bà Lò Trung K. Do đó, bà Lò Thị T, ông Lò Văn X1 không có nghĩa vụ gì đến việc khoản nợ này. Nên ông bà không nhất trí trả nợ số tiền 150.000.000đ mà ông Nguyễn Văn X, bà Lê Thị H yêu cầu.

*Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát:*

Về tố tụng: Thẩm phán, HĐXX thực hiện đúng theo trình tự thủ tục của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Căn cứ Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và Điều 476 của Bộ luật Dân sự năm 2005; Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015; khoản 4 Điều 26 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội 14 quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Chấp nhận một phần yêu cầu của nguyên đơn bà Lê Thị H, ông Nguyễn Văn X: Buộc Bà Lò Trung K thanh toán trả cho bà Lê Thị H, ông Nguyễn Văn X số vay gốc 103.000.000, đồng (một trăm linh ba triệu) và số tiền lãi suất tính đến ngày 30/9/2020 là 42.971.000, đồng (bốn mươi hai triệu chín trăm bảy mươi một nghìn đồng).

Về án phí: Do yêu cầu của nguyên đơn bà Lê Thị H, ông Nguyễn Văn X được chấp nhận một phần nên bà Lê Thị H, ông Nguyễn Văn X phải chịu án phí

dân sự sơ thẩm đối với số tiền 47.000.000, đồng. Bà Lò Trung K phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Lò Thị T, ông Lò Văn X1 có đề nghị vắng mặt, căn cứ Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử, xét xử vắng mặt họ vẫn đảm bảo quyền lợi của họ.

[2]. Xét lời trình bày của nguyên đơn ông Nguyễn Văn X, bà Lê Thị H:

Tại phiên tòa nguyên đơn xuất trình bản gốc giấy vay tiền đề ngày 16/5/2018 và xác nhận số tiền 150.000.000, đồng trong giấy vay này là được tính lãi 2% tháng từ số tiền 103.000.000, đồng, đồng thời bị đơn bà Lò Trung K cũng công nhận. Do đó có đủ căn cứ xác nhận số tiền vay giữa ông Nguyễn Văn X, bà Lê Thị H với bà Lò Trung K là khoản vay ngày 16/6/2016, với số tiền cho vay và được vay gốc là 103.000.000, đồng.

Đối với yêu cầu của ông Nguyễn Văn X, bà Lê Thị H yêu cầu bà Lò Thị T, ông Lò Văn X1 phải thanh toán trả số tiền 150.000.000, đồng và lãi suất theo quy định của pháp luật, tại bản án phúc thẩm số 02/2020/DS-PT ngày 01/01/2020 Tòa án nhân dân tỉnh Sơn La nhận định hợp đồng này đã thực hiện xong. Đồng thời do ông Nguyễn Văn X, bà Lê Thị H cũng đã thừa nhận bà Lò Trung K được vay và chốt số vay và lãi vào ngày 16/5/2018 là số tiền 150.000.000, đồng. Do đó yêu cầu này của nguyên đơn không có căn cứ chấp nhận.

Nguyên đơn ông Nguyễn Văn X, bà Lê Thị H yêu cầu phải thanh toán trả số tiền 150.000.000, đồng và lãi suất theo quy định của pháp luật là tính lãi hai lần, do đó không có căn cứ chấp nhận yêu cầu này.

Từ những đánh giá, phân tích chứng cứ nêu trên, đủ căn cứ chấp nhận đối với khoản vay ngày 16/6/2016 với số tiền gốc là 103.000.000, đồng.

Do hợp đồng vay có lãi, bị đơn không đồng ý trả lãi theo yêu cầu của nguyên đơn, nên cần căn cứ vào từng thời điểm theo quy định của các Bộ luật Dân sự như sau:

Thời điểm từ ngày 16/6/2016 đến ngày 30/6/2017 là 12 tháng 14 ngày, cụ thể: 103.000.000, đồng x 0,75%/ tháng x 12 tháng 14 ngày = 9.630.000, đồng tiền lãi;

Thời điểm từ ngày 01/7/2017 đến ngày 30/9/2020 (ngày xét xử sơ thẩm) là 39 tháng, cụ thể: 103.000.000, đồng x 0,83%/tháng x 39 tháng = 33.341.000, đồng tiền lãi.

Tổng cộng lãi là 9.630.000,, đồng + 33.341.000,, đồng = 42.971.100, đồng.

Căn cứ vào Điều 476 của Bộ luật Dân sự năm 2005; Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Chấp nhận một phần yêu cầu của bà Lê Thị H, ông Nguyễn Văn X. Buộc Lò Trung K phải thanh toán trả cho bà Lê Thị H, ông Nguyễn Văn X số tiền vay gốc là 103.000.000, đồng và tiền lãi là 42.971.100, đồng.

[3]. Về án phí: Do yêu cầu của nguyên đơn bà Lê Thị H, ông Nguyễn Văn X được chấp nhận một phần nên bà Lê Thị H, ông Nguyễn Văn X phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với số tiền 47.000.000, đồng.

Buộc bà Lò Trung K phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch đối với phần yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận

*Vì các lẽ trên.*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và Điều 476 của Bộ luật Dân sự năm 2005; Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015; khoản 4 Điều 26 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội 14 quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận một phần yêu cầu của nguyên đơn bà Lê Thị H, ông Nguyễn Văn X: Buộc Bà Lò Trung K thanh toán trả cho bà Lê Thị H, ông Nguyễn Văn X số vay gốc 103.000.000, đồng (một trăm linh ba triệu) và số tiền lãi suất tính đến ngày 30/9/2020 là 42.971.000, đồng (bốn mươi hai triệu chín trăm bảy mươi một nghìn đồng).

2. Về án phí:

Bà Lò Trung K phải chịu 7.298.000đ (Bảy triệu hai trăm chín mươi tám nghìn đồng).

Bà Lê Thị H, ông Nguyễn Văn X Hoàn phải chịu 2.350.000, đồng (hai triệu ba trăm lăm mươi nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm được trừ vào tạm ứng án phí đã nộp. Hoàn trả cho bà Lê Thị H số tiền 1.400.000đ (một triệu bốn trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số AA/2016/0004003 ngày 23/7/2020 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Mường La, tỉnh Sơn La.

Nguyên đơn, bị đơn quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án, ngày 30/9/2020.

Báo cho người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Lò Thị T, ông Lò Văn X1 có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

*“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án*

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

*(Ký tên, ghi rõ họ tên, đóng dấu)*

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Sơn La;
- VKSND huyện Mường La (2);
- Chi cục THADS huyện Mường La;
- Các đương sự (3);
- Người CQLNVLQ (2);
- Lưu: Hồ sơ, án văn.

**Hà Minh Quân**

**THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ**

*(Ký tên, ghi rõ họ tên)*

**THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

*(Ký tên, ghi rõ họ tên, đóng dấu)*

